

Số TT	Họ và tên		Nữ	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn		Ngoại ngữ		Thể dục			XLHL	CP	KP	ĐHK	XLHK
				1T	1T	1T	1T	15'	1T	1T	15'	1T	M	15'	1T					
1	Đỗ Trường	An	X	6	5.5	4.5	7.5	9	8.5	6	6	4.3	Đ	Đ	Đ	TB			50	T
2	Nguyễn Kim	Anh	X	3.3	5.5	5.3	4.3	9	7.8	4.5	6	5.8	Đ	Đ	Đ	Y			50	T
3	Nguyễn Gia	Bảo		2.8	7.8	5.3	8	9	8.8	6	6	6.5	Đ	Đ	Đ	TB			49.5	T
4	Hoàng Trọng Tuấn	Cường		3	6	8	4.8	9	8.5	5.3	6	5.8	Đ	Đ	Đ	Y			49.5	T
5	Phan Bá	Cường		7.5	6.3	7	5.8	9	7.5	6.3	9	6.3	Đ	Đ	Đ	K			49.5	T
6	Trương Thị Xuân	Diệu	X	5.8	6.5	5.8	5.8	9	7.5	5.3	4	6.3	Đ	Đ	Đ	TB			50	T
7	Hoàng Phương	Dung	X	4	6.3	8	6	9	9	5.3	6	5.8	Đ	Đ	Đ	TB			49.5	T
8	Hoàng Mỹ	Duyên	X						0	0									50	T
9	Trịnh Văn	Đức		1.8	5.8	4.5	7.5	9	7.5	6.8		3.8	Đ	Đ	Đ				49	T
10	Phan Quang	Hiền		5.3	6	4.3	7	9	7.8	6.5	7	4.8	Đ	Đ	Đ	TB			50	T
11	Đỗ Trọng	Hiếu		6	6.5	5	7.8	9	7.8	6	8	7.5	Đ	Đ	Đ	K			50	T
12	Nguyễn Hoàng	Hiếu		5.5	4.8	5.8	7.3	9	7.8	5.3	4	3	Đ	Đ	Đ	Y			49	T
13	Nguyễn Tài	Hiếu							0	0						Kem			50	T
14	Lưu Văn	Hoàng		2.5	5.3	3.3	7.5	9	7.8	5.8	4	5.8	Đ	Đ		Y			50	T
15	Vũ Minh	Hoàng		5	5.8	5	8.3	9	7.8	6.3	6	5.5	Đ	Đ	Đ	K			50	T
16	Phùng Dũng	Khang		6	7.3	6.3	7	9	7.8	6	7	6.5	Đ	Đ	Đ	K			49.5	T
17	Phạm Dương Gia	Linh	X	3.5	7.3	6.8	8.8	9	8.8	6.8	8	7.3	Đ	Đ	Đ	TB			50	T
18	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	X	5.3	6.5	5	8	9	8.8	7	6	6.5	Đ	Đ	Đ	K			50	T
19	Đặng Lý Kim	Ngân	X	5	7.8	6.5	7.5	9	8.3	6.8	6	7.3	Đ	Đ	Đ	K			50	T
20	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	X	4.5	5.8	5.8	8.5	9	8.5	6	7	7.3	Đ	Đ	Đ	TB	2	0	50	T
21	Nguyễn Thị Kim	Như	X	1.8	6.3	4.5	7.3	9	8.3	5	3	5.5	Đ	Đ	Đ	Kem			50	T
22	Lê Vũ Hoài	Phong		2.8	4.5	3.8	4.3	9	7.3	4.3	6	3	Đ	Đ	Đ	Y			50	T
23	Nguyễn Công	Phương		4.3	8.8	8	7.8	9	7.3	6.8	4	5	Đ	Đ	Đ	TB			50	T
24	Lê Minh	Quân		3.5	5	4	6	9	8.5	6.8	6	7.3	Đ	Đ	Đ	TB			50	T
25	Phạm Hồng	Quân		1.5	4.3	4	4.5	9	7.8	5.8	6	5	Đ	Đ	Đ	Kem			50	T
26	Vũ Thành	Tâm		3.3	5	4.5	6	9	7.5	6	6	5	Đ	Đ	Đ	Y			50	T
27	Vũ Thị Phương	Thanh	X	4.5	6.8	5.3	7.3	9	8	6	8	5	Đ	Đ	Đ	TB			50	T
28	Huỳnh Quang	Thành		2.3	4.8	4.5	7.3	9	7.5	5.3	6	5.3	Đ	Đ	Đ	Y			50	T
29	Võ Đỗ Đạt	Thành		3.8	4.3	3.5	6.3	9	7.8	7.5	5	2.8	Đ	Đ	Đ	TB			50	T
30	Đặng Quang	Thịnh		5	4.3	3	5.8	9	7.5	6.5	3	2.5	Đ	Đ	Đ	Y			50	T

31	Nguyễn Thanh Hoài	Thu	X	3	5.8	6	8.5	9	8.8	7	9	8	Đ	Đ	Đ	TB	1	0	50	T
32	Trần Thị Diễm	Thúy	X	4.3	7	5.3	6.3	9	7.8	7	6	6.5	Đ	Đ	Đ	TB			49.5	T
33	Huỳnh Nguyễn Minh	Thư	X	1	6.8	5	5.3	9	7.5	5.5	7	6.5	Đ	Đ	Đ	Kem			50	T
34	Bùi Thị Cẩm	Tiên	X	4	5	4.3	5.5	9	8.3	6.3	4	4.8	Đ	Đ	Đ	TB			50	T
35	Nguyễn Trung	Tính		4	6.8	7.5	6.5	9	8.3	6.3	4	3.3	Đ	Đ	Đ	TB			50	T
36	Huỳnh Bảo	Trân		5.8	7.8	5.8	7.5	9	9	8.3	6	6.5	Đ	Đ	Đ	K			50	T
37	Phan Phú	Trọng		3.3	7	2.8	6	9	7.8	7.8	5	2.8	Đ	Đ	Đ	Y			49.5	T
38	Nguyễn Thành	Trung		1	5.5	3.3	5	9	8	3.8	2	2.8	Đ	Đ	Đ	Kem			48.5	T
39	Phan Thị Ngọc	Tú		5.8	7.3	6.3	6.5	9	7.5	6.8	7	5.3	Đ	Đ	Đ	K	1	0	50	T
40	Huỳnh Thanh	Tú		6.3	7.8	6.8	7.3	9	7.5	6.3	7	6.3	Đ	Đ	Đ	K			50	T
41	Ngô Văn	Tuấn		4.5	6.8	5	4.3	9	7.8	6.5	6	6	Đ	Đ	Đ	TB			50	T
42	Vì Thị Hồng	Vân	X	4.3	7.8	5.3	5.8	9	8.8	7	8	5.3	Đ	Đ	Đ	TB			49.5	T
43	Phạm Hoàng	Vũ		4.3	7	4.5	9	9	7	6	6	5	Đ	Đ	Đ	TB			49.5	T
44	Nguyễn Thị Ngọc	Yên	X	3.5	5.3	4.5	3.8	9	8.5	6.8	3	4	Đ	Đ	Đ	TB			49.5	T
45	Nguyễn Thị Diệu	Hằng	X	3.5	5	6.8	3.8	9	8.8	7.3	5	4.8	Đ	Đ	Đ	TB			50	T

Bình Tân, ngày 21 tháng 10 năm 2016
Hiệu Trưởng
(Đã ký)
Nguyễn Thị Xuân Hương

